

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 67/2020/HNGĐ.ST
Ngày: 28 - 12 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mười Hai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Giữ
2. Ông Trần Quang Nghiêm

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kim Hồ

- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa sơ thẩm).

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 176/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020, về việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2020/QĐXX-ST ngày 16 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kim C**, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ 16, ấp T L, xã T L, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Danh T**, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ 16, ấp T L, xã T L, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 28/10/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim C trình bày: Vào năm 1998, chị và

anh Danh T quen biết nhau, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn vào ngày 24/8/1998 tại UBND xã T L (huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long). Vợ chồng có hai con chung tên Danh Minh Tr, sinh ngày 04/10/1998 và Danh Minh L, sinh ngày 20/10/2002, hiện đang sống cùng cha mẹ.

Mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm, anh T gia trưởng, thường ăn nhậu không lo kinh tế gia đình, không quan tâm vợ con, hay ghen nên nhiều lần kiểm tra điện thoại cá nhân, cuộc sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Chị Kim C yêu cầu được ly hôn với anh Danh T.

Về con chung: Cháu Danh Minh Tr đã thành niên không yêu cầu xem xét, chị đồng ý để anh T nuôi con chung là Danh Minh L, sinh ngày 20/10/2002, chị không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

- Tại biên bản hòa giải ngày 24/11/2020, bị đơn anh Danh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản đúng như chị Kim C đã trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng thì chị Kim C khai không đúng, anh vẫn lo kinh tế gia đình, từ tháng 7/2020 đến nay do mâu thuẫn xảy ra nên anh có uống rượu, do nhiều lần điện thoại chị Kim C không bắt máy nên xảy ra cãi vã. Anh còn thương vợ con nên yêu cầu được đoàn tụ, trường hợp phải ly hôn anh đồng ý tiếp tục nuôi con chung là Danh Minh L, chưa yêu cầu chị Kim C cấp dưỡng.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Kim C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định: Mâu thuẫn giữa vợ chồng xảy ra nhiều năm, tuy còn sống chung trong một nhà nhưng sinh hoạt trong gia đình thì tiền của ai người đó chi tiêu, quan điểm bất đồng do tính tình anh T gia trưởng, nghi ngờ chị có quan hệ với người khác nên nhiều lần kiểm tra điện thoại riêng, vợ chồng đã hàn gắn nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi, việc sống chung đã không có hạnh phúc, hiện nay chị mua bán trái cây thu nhập khoảng 3.000.000đ/tháng, hàng tháng chi tiêu cho các con do chị chu cấp.

Anh T xác định: Anh muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng trường hợp chị Kim C muốn ly hôn thì anh đồng ý vì vợ chồng không còn tình cảm nên không thể hàn gắn, chị Kim C có quan biết với người đàn ông khác, về nợ chung và tài sản chung chưa có tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét chị Nguyễn Thị Kim C yêu cầu được ly hôn với và anh Danh T, anh T có nơi đăng ký thường trú thuộc huyện Bình Tân nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét chị Kim C và anh T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong sinh hoạt, tính tình bất đồng nên thường cãi vã, vợ chồng đã hàn gắn nhiều lần nhưng không cải thiện. Xét mâu thuẫn xảy ra đã nhiều năm, tuy anh chị còn sống chung một nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, việc tiếp tục sống chung không có hạnh phúc, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng. Tại phiên tòa, sau khi kết thúc phần thủ tục hỏi, anh T đồng ý thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận việc chị Kim C thuận tình ly hôn với anh T là có căn cứ.

[2.2] Xét về 02 con chung tên Danh Minh Tr, sinh ngày 04/10/1998 và Danh Minh L, sinh ngày 20/10/2002, hiện nay sống chung với cha mẹ, các con đã thành niên nên không đặt ra xem xét.

[3] Xét về nợ chung và tài sản chung: Chị Kim C và anh T không có tranh chấp và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Kim C phải nộp án phí là 300.000đ theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim C.

Công nhận chị Nguyễn Thị Kim C và anh Danh T thuận tình ly hôn.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Kim C phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), số tiền án phí phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số: 0011670 ngày 28/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA): 01;
- VKSND huyện Bình Tân: 01;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01;
- Các đương sự: 02;
- UBND xã T L (huyện B T, tỉnh Vĩnh Long): 01;
- Lưu: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Mười Hai